

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2023

“V/v ly hôn và yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh

2. Bà Lương Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy L1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** anh Đỗ Thanh Nh, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 03/02/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào năm 2010, sau thời gian tự tìm hiểu chị kết hôn cùng với anh Đỗ Thanh Nh, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao vào ngày 28/4/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống bên nhà anh Nh ở xã A. Vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn giữa chị với anh Nh ngày càng gay gắt; do đó, chị bỏ đi làm không sống chung với anh Nh từ năm 2019. Từ năm 2019 đến nay, chị đi làm và sống ở huyện Giang Thành, sau đó chuyển đến huyện Phú Quốc ở, chị cũng ít về nhà, khi nào anh Nh có thời gian rảnh thì đi thăm chị và con nhưng từ năm 2019 đến nay chị và anh Nh rất ít gặp nhau nên chị tự nhận thấy không thể tiếp tục cuộc

hôn nhân được nữa vì chị đã không còn tình cảm với anh Nh nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có ba người con chung tên Đỗ Sĩ L, sinh ngày: 18/02/2011, Đỗ Minh Th, sinh ngày: 26/8/2015 (đã chết năm 2018 do đuối nước) và Đỗ Thùy L1, sinh ngày: 11/01/2019. Hiện nay còn hai người con là Sĩ L sống bên anh Nh, còn Thùy L1 thường xuyên sống chung với chị bên huyện Phú Quốc. Chị và anh Nh đã tự thỏa thuận tài sản chung, chị T xác định vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh; Về con chung do anh Nh có nguyện vọng muốn nuôi hết hai con nên chị đồng ý giao hai con cho anh Nh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị và anh Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về phần nợ chung chị xác định vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải ngày 21/3/2023 bị đơn anh Đỗ Thanh Nh trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu chị Nguyễn Thanh T, anh và chị T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao vào ngày 28/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống bên cha mẹ ruột của anh ở xã Vĩnh Phước A. Anh và chị T vẫn sống hạnh phúc đến cuối năm 2022, anh không biết lý do tại sao từ tết năm 2022 đến nay thái độ chị T không giống như trước và còn yêu cầu ly hôn với anh. Tuy nhiên, anh thừa nhận anh và chị T không ở chung một nhà, mà mỗi người sống một nơi từ năm 2019 đến nay, vì anh đang dạy học ở xã Vĩnh Phước A, còn chị T đi làm ở huyện Giang Thành rồi hiện nay đã chuyển qua sống và đi làm ở huyện Phú Quốc. Từ năm 2019 đến nay, chị T cũng có về thăm con và lúc anh có thời gian rảnh anh cũng có qua thăm chị T nhưng vợ chồng rất ít nói chuyện với nhau vì nói chuyện không hợp. Từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải động viên ngày 21/3/2023 đến nay thì vợ chồng anh vẫn không gặp nhau và không thể nói chuyện được với nhau vui vẻ, bình thường như trước.

Anh và chị T có ba người con chung tên Đỗ Sĩ L, sinh ngày: 18/02/2011, Đỗ Minh Th, sinh ngày: 26/8/2015 (đã chết năm 2018 lúc chị T dẫn theo ở chung với chị T ở huyện Giang Thành, chết do đuối nước) và Đỗ Thùy L1, sinh ngày: 11/01/2019. Hiện nay còn hai người con là Sĩ L sống bên anh, bé Thùy L1 lúc còn nhỏ do bên anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian gần đây chị T có rước bé Thùy L1 qua Phú Quốc ở chơi cùng với chị T. Về tài sản chung anh và chị T đã tự thỏa thuận, vợ chồng anh không có nợ chung.

Tại phiên tòa, về hôn nhân anh Nh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thanh T vì anh còn thương vợ thương con. Nếu chị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì về con anh yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hết hai con Đỗ Sĩ L, sinh ngày: 18/02/2011 và Đỗ Thùy L1, sinh ngày: 11/01/2019; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về phần nợ chung anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Đỗ Thanh Nh là tranh chấp về “ly hôn, yêu cầu nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân với anh Đỗ Thanh Nh vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 72/2010 ngày 28 tháng 4 năm 2010, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T là chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Nh lý do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn giữa chị với anh Nh ngày càng gay gắt nên chị bỏ đi làm không sống chung với anh Nh từ năm 2019, từ năm 2019 đến nay chị đi làm và sống ở huyện Giang Thành, sau đó chuyển đến huyện Phú Quốc ở, chị cũng ít về nhà, khi nào anh Nh có thời gian rảnh thì đi thăm chị và con gái tên Thùy L1. Từ năm 2019 đến nay, chị thấy hôn nhân của chị không thể hàn gắn lại được nữa vì chị đã không còn tình cảm với anh Nh nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh. Còn anh Nh thì không đồng ý ly hôn và anh yêu cầu vợ chồng đoàn tụ vì anh còn thương vợ con. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhằm cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân thể hiện tại Phiên hòa giải đề ngày 21 tháng 3 năm 2023 nhưng sau khi ngày Tòa án tiến hành hòa giải đến nay chị T, anh Nh cũng không gặp nhau và không thể nói chuyện được với nhau như trước. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc hòa giải động viên vợ chồng anh chị hàn gắn lại vẫn không có kết quả. Hơn nữa, tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Nh vì chị không còn tình cảm yêu thương dành cho

anh Nh. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.3] Về con chung: chị T và anh Nh đều khai có ba người con chung tên Đỗ Sĩ L, sinh ngày: 18/02/2011, Đỗ Minh Th, sinh ngày 26/8/2015 (đã chết năm 2018) và Đỗ Thùy L1, sinh ngày 11/01/2019. Hiện nay có hai người con chung Sĩ L và Thùy L1. Xét yêu cầu của anh Nh là được nuôi dưỡng hai người con tên Đỗ Sĩ L và Đỗ Thùy L1, chị T đồng ý giao hai con cho anh Nh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị về con chung là phù hợp với thực tế, đúng nguyện vọng của Sĩ L và đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nh, chị T là chị T đồng ý giao hai con tên Đỗ Sĩ L và Đỗ Thùy L1 cho anh Nh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh Nh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh Nh đã tự thỏa thuận nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị T và anh Nh đều khai không có nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị T phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Đỗ Thanh Nh.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T, anh Nh là giao hai người con tên Đỗ Sĩ L, sinh ngày 18/02/2011 và Đỗ Thùy L1, sinh ngày 11/01/2019 cho anh Nh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: bằng 300.000đồng chị Nguyễn Thanh T phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006600 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho chị T, anh Nh được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 21/4/2023.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỊCH PHIÊN TỌA

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh